

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

CƠ SỞ NHẬN DIỆN HÀNH VI NGÔN NGỮ PHẢN NÀN TRONG GIAO TIẾP TIẾNG VIỆT

ĐÀO THỊ THANH HUYỀN*

TÓM TẮT: Nhằm mục đích đưa ra cơ sở nhận diện hành vi ngôn ngữ phản nản trong giao tiếp tiếng Việt, bài viết đã tiến hành xây dựng khái niệm hành vi ngôn ngữ phản nản, phân tích các điều kiện cho việc thực hiện hành vi này theo quan điểm của J. Austin và J. Searle, phân biệt hành vi phản nản với các hành vi cận kề với nó như chê, trách, phê bình. Từ đó, bài viết đã đưa ra 4 “dấu hiệu nhận biết” hành vi phản nản trong giao tiếp tiếng Việt là: *các biểu thức ngôn ngữ nhận xét, đánh giá chủ quan và tiêu cực để thể hiện sự không hài lòng; phạm vi đối tượng và đích ở lời của hành vi phản nản; lời nhận xét của các nhân vật giao tiếp và ngữ cảnh cụ thể.*

TỪ KHÓA: hành vi ngôn ngữ; phản nản; không hài lòng; điều kiện sử dụng; cơ sở nhận diện.

NHẬN BÀI: 06/05/2023.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 20/10/2023

1. Đặt vấn đề

Phản nản (complain) là một trong những hành vi ngôn ngữ có tính tế nhị và độ mãnh cảm cao. Trong tiếng Việt, đây cũng là hành vi mang tính đe dọa thể diện cao. Trong cuộc sống, không phải mọi thứ đều tuân theo ý muốn của chúng ta nên việc phản nản điều gì đó với ai đó là điều hết sức bình thường. Để bày tỏ ý phản nản, tùy vào mức độ nghiêm trọng của sự việc, người Việt Nam dùng nhiều phương thức thể hiện với các mức độ và chiến lược lịch sự khác nhau. Điều đó chịu nhiều ảnh hưởng sâu sắc của các yếu tố văn hóa, xã hội đặc thù của Việt Nam. Trên thực tế, hành vi này lại rất gần và khó phân biệt với một số hành vi ngôn ngữ khác cũng bày tỏ sự không hài lòng trong tiếng Việt như chê, trách, phê bình,...Sau đây, chúng tôi xin đưa ra một số dấu hiệu nhằm nhận diện hành vi này trong giao tiếp hàng ngày. Bài viết sẽ mở đường cho chúng tôi trong việc nghiên cứu những vấn đề khác liên đến hành vi phản nản.

2. Điều kiện sử dụng hành vi phản nản

J. Austin được coi là cha đẻ của lý thuyết *hành vi ngôn ngữ* (*Speech act*) trên thế giới. Năm 1962, sau khi ông mất, các bài giảng của ông về hành vi ngôn ngữ đã được tập hợp lại và in thành sách với nhan đề “*How to do things with words*” (Hành động như thế nào bằng lời nói). Austin quan niệm, “nói tức là làm” (When I say, (...) I do) [12; tr.6]. Austin phân chia hành vi ngôn ngữ thành 5 phạm trù lớn là: *Phán xét* (verdictive), *hành xử* (exercitive), *kết ước* (commissive), *ứng xử* (behabititive) và *bày tỏ* (exercitive). Theo cách phân loại này, hành vi ngôn ngữ phản nản thuộc nhóm *ứng xử*.

J. Searle, một nhà triết học người Mỹ, đã tiếp tục kế thừa và phát triển lý thuyết hành vi ngôn ngữ của Austin qua công trình nghiên cứu “*Speech acts*”. Tác giả J. Searle quan niệm “*nói là hành động tuân theo điều kiện*” (*Talking is performing acts according to rules*) [13, tr.22]. Searle cho rằng, cách phân chia trên của Austin có sự chồng chéo, chưa thỏa đáng nên ông đã đưa ra 5 phạm trù cơ bản của hành vi ngôn ngữ như sau: *Tuyên bố* (declarative), *biểu hiện* (trình bày/ miêu tả/ xác tín) (representative), *câu khiến* (directive), *hứa hẹn* (commissive) và *bày tỏ* (expressive). Năm nhóm hành động ngôn từ trên đây được J. Searle phân chia dựa trên 12 tiêu chí, trong đó có 4 tiêu chí phân loại cơ bản và quan trọng hơn cả là: *đích ngoài lời, hướng khớp ghép giữa từ ngữ và thực tại, trạng thái tâm lý được thể hiện và nội dung mệnh đề*. Theo cách phân loại của Searle, hành vi phản nản thuộc nhóm *bày tỏ*.

Trên cơ sở bổ sung và điều chỉnh điều kiện thực hiện các hành vi ở lời của Austin, Searle đã đưa ra 4 điều kiện cho việc thực hiện các hành vi ở lời. Theo ông, đây là những “quy tắc” để các hành vi ở lời đạt được hiệu quả đúng với đích của nó khi thực hiện. Đó là:

a. *Điều kiện nội dung mệnh đề* (content conditions/ NDMD): Chỉ ra bản chất nội dung của hành vi. Nội dung mệnh đề có thể là *hành động của người nói* (hứa, thề, cam kết, bác bỏ,...) hay *hoạt động của người nghe* (ra lệnh, yêu cầu, đề nghị,...).

Đối với hành vi phản nản, NDMD là những đặc điểm, tình trạng của người/ sự vật/ sự việc đã xảy ra

* Trường Đại học Hà Nội; Email: huyendtt@hanu.edu.vn

hoặc đang xảy ra trước khi SP1 thực hiện hành vi phản nản. Ví dụ: “*Chà hiểu sao tóc em dạo này rụng nhiều lắm, chị ạ. Chị xem này, tóc mỏng nên nhìn thấy cả da đầu luôn, xấu ơi là xấu!*” [Khẩu ngữ].

b. *Điều kiện chuẩn bị* (preparatory condition/ ĐKCB): Bao gồm những hiểu biết của người phát ngôn về năng lực (tinh thần và vật chất), trách nhiệm, ý định, lợi ích của người nghe và các quan hệ giữa người nói, người nghe.

Ở hành vi phản nản, ĐKCB sẽ có 3 trường hợp:

Trường hợp 1: SP1 cảm thấy một sự vật/ sự việc bất kì hoặc là người thứ ba (SP3) nào đó là không tốt, không đúng, không phù hợp hoặc chưa thỏa đáng. Nó làm cho SP1 cảm thấy không hài lòng, bức bối, thậm chí là rất bức xúc và SP1 đã nói điều đó với SP2.

Có thể, đó là một vật/ việc/ người không hề liên quan và cũng không thuộc trách nhiệm của SP1 hay SP2 như là thời tiết, khí hậu, thiên tai, ... Ví dụ: “*Vàng, đêm qua trời oi bức quá thể, mồ hôi như tắm. Cả đêm tôi chẳng làm sao mà ngủ được. Đến gần sáng ngủ quên, thế là muộn*” [Đoàn Thiện Thuật, Thực hành tiếng Việt C, tr.31]. Ở ví dụ này, thời tiết oi bức và nóng nực quá khiến cho SP1 không ngủ được, đến sáng chợp mắt được một chút thì lại ngủ quên nên bị muộn, không đi tập dưỡng sinh được. SP1 đã phản nản về thời tiết khó chịu đêm hôm trước với SP2.

Tuy nhiên, đó cũng có thể là một vật/ việc/ người thứ 3 nào đó có liên quan trực tiếp đến SP1/ SP2. Theo SP1, có thể SP2 phải chịu trách nhiệm về những sự việc không tốt, không đúng đã xảy ra. Ví dụ: “*Khi trang điểm cho tôi thì anh Hội lông là lông ngóng. Vì là con trai nên anh ấy vẽ đường nét rất là xấu. Anh ấy vẽ cho tôi bên này là một con cá chà bá này. Trời! Bên trong này lại là một con cá bé tí này*” [Cuộc thi Người mẫu Việt Nam: Vietnam’s Next top Model, 2014]. Trong thử thách cặp đôi tự trang điểm cho nhau, Oanh đã phản nản với phóng viên về Hội, bạn diễn của mình, trang điểm cho cô ấy rất xấu xí. Oanh thực sự không hài lòng vì việc trang điểm xấu có thể khiến cô ấy bị loại khỏi cuộc thi.

Trường hợp 2: SP1 cảm thấy không hài lòng vì chính SP2 - người đang đối thoại với mình. SP1 đã nói điều không hài lòng đó với SP2. Ví dụ: “*Mua có vài xu miễn với mọc nhĩ, cũng mừng với mót! Vứt đi!*” [Bùi Hiền, 2001, tr.47]. Nhân vật Cần thấy gương ngượng và xấu hổ với bạn khi vợ ở quê ra ra thành phố đi sắm Tết. Vì không có tiền nên cũng chỉ mua một ít miễn với mọc nhĩ mà chị mang theo cả thùng mừng ra phố. Cần lấy làm không hài lòng và nói sảng luôn với vợ.

Trường hợp 3: SP1 không hài lòng với chính mình, thấy rằng mình là nguyên nhân gây ra sự không hài lòng của chính bản thân và SP1 đã nói điều này với SP2. Trong trường hợp này, những điều mà SP1 phản nản còn có chút nuối tiếc vì việc đã xảy ra. Ví dụ: “*Tôi thấy phần chụp hình của mình khá tệ vì tôi không thể tương tác được với lũ cừu. Quan trọng là tôi đã mất cảm xúc, mất bình tĩnh nên không thể hiện được điều mà nhân hàng yêu cầu*” [Cuộc thi Người mẫu Việt Nam: Vietnam’s Next top Model, 2014]. Trong thử thách chụp hình với bầy cừu, một thí sinh đã phản nản với phóng viên về chính mình, cho rằng mình đã làm không tốt phần thi này vì nhiều lí do cá nhân.

c. *Điều kiện chân thành* (sincerity conditions/ CT): Chỉ ra trạng thái tâm lí tương ứng của người thực hiện hành vi ở lời tương ứng với hành vi ở lời mà người phát ngôn đưa ra. Điều kiện này đòi hỏi người phát ngôn thật sự mong đợi hiệu quả ở lời của hành vi ở lời mà mình thực hiện. Chẳng hạn như *cam kết*, *hứa hẹn* thì phải đòi hỏi có ý định và khả năng thực hiện điều đó.

Đối với hành vi phản nản, điều kiện CT sẽ là:

Trường hợp 1: SP1 cảm thấy không hài lòng, bức bối hoặc buồn rầu và mong muốn SP2 là người lắng nghe mình bày tỏ nỗi niềm, đồng tình với ý kiến của mình hoặc giúp mình giảm bớt/ giải tỏa tâm lí tiêu cực đó. Ví dụ:

- “*Bà ạ, gạo hôm nay kém quá, một đồng không được mười đấu con.*

- *Chết nhĩ!*

- *Nhà con đã phải trộn thêm ngô rồi.*

- *Chà! Con ạ, con trẻ ăn cơm ngô càng chắc dạ. Bà thì ngày xưa cơm ngon cũng chẳng có mà ăn đâu.*

Cứ phải ăn cháo rau má trừ cơm là thường” [Nam Cao, Nhìn người ta sung sướng, tr.255].

Trong ví dụ này, khi Duyên phản nản về giá gạo tăng cao thì bà Ngan đã tỏ ra rất cảm thông và đồng viên Duyên rất nhiều. Hay lão Hạc phản nản với ông giáo về chuyện con trai ông đi miết mà chả có liên lạc gì: “*Này! Thằng cháu nhà tôi, đến một năm nay, chẳng có giấy má gì đấy, ông giáo ạ*” [Nam Cao, Lão

Hạc, tr.106]. Khi phản nản, nói ra sự tình, lão Hạc rất cần một sự cảm thông, chia sẻ và động viên của ông giáo làng.

Trường hợp 2: SP1 cảm thấy không hài lòng, bức bối và muốn SP2 phải chịu trách nhiệm về việc đã xảy ra hoặc đưa ra được những biện pháp thích hợp để khắc phục hậu quả, làm giảm trạng thái tiêu cực của SP1. Nói chung là SP1 mong muốn có sự thay đổi theo hướng có lợi cho mình. Ví dụ:

- “*Cái quạt này tôi mua đắt chứ có rẻ đâu, thế mà được ba ngày đã hỏng rồi.*”

- *Vâng, để em kiểm tra cho chị. Nếu là lỗi kỹ thuật thì bên em sẽ đổi quạt mới cho chị.*” [Khẩu ngữ]

d. Điều kiện cần bản (essential conditions/ CB): Đưa ra kiểu trách nhiệm mà người nói hoặc người nghe bị ràng buộc khi hành vi ở lời đó được phát ra. Ví dụ: Khi hỏi tìm thông tin thì Sp1 chưa biết/ chưa rõ và thực sự muốn biết thông tin đó chứ không phải hỏi lấy lệ, khi thông báo cho người khác thì Sp1 cũng phải chịu trách nhiệm về tính xác thực của những thông tin đó.

Đối với hành vi phản nản, người nói cần chịu trách nhiệm về tính chân thực, chính xác của mệnh đề phản nản, phải chịu trách nhiệm về quan điểm của mình khi đưa ra những ý kiến hay nhận xét đó. Thông qua hành vi phản nản, chúng ta phần nào thấy được quan điểm, cách sống, sở thích, trình độ văn hóa,... của người nói cũng như quan hệ giữa người nói và người nghe.

Mỗi điều kiện trên là một *điều kiện cần*, cả 4 điều kiện trên là *điều kiện đủ* cho việc sử dụng hành vi ở lời. Dựa trên những *điều kiện cần* và *điều kiện đủ* cho việc sử dụng hành vi ở lời theo quan điểm của Searle, chúng tôi sẽ tiến hành xây dựng khái niệm hành vi phản nản.

3. Xây dựng khái niệm hành vi phản nản

Trong một số từ điển tiếng Việt, nghĩa của từ phản nản được giải thích như sau:

- Phản nản (đgt) là “nói ra điều không hài lòng, buồn bức của mình” [Nguyễn Như Ý, 2002, tr.586] [Nguyễn Như Ý, 1999, tr.1315]

- Phản nản (đgt) là “biểu thị bằng lời điều làm cho mình bức bối” [Quý Long, Kim Thư, 2009, tr.477]

- Phản nản (đgt) là “nói ra nỗi buồn bức, không vừa ý để mong có sự đồng cảm, đồng tình” [Hoàng Phê, 2013, tr.985]

- Phản nản (đgt) là “nói ra để tỏ ý không hài lòng, trách cứ” [Hoàng Văn Hành, 1995, tr.435]

- Phản nản (đgt) là “nói lên sự bức bối của mình” [Nguyễn Lân, 2000, tr.1420]

- Phản nản (đgt) là sự bày tỏ thái độ bất mãn về các kì vọng không được đáp ứng (tudienso)

Để xây dựng được khái niệm hành vi phản nản đầy đủ nhất, chúng tôi xem xét thêm nghĩa của một số từ ngữ khác được giải thích trong từ điển tiếng Việt có nghĩa gần với phản nản:

(1) *Nhắc nhở*: là “phê bình nhẹ bằng cách nhắc điều người khác đã quên nên đã phạm khuyết điểm” [Hoàng Phê, 2013, tr.912]

(2) *Trách*: là “nói lên những điều mình không vừa ý về một người nào đó” [Quý Long, Kim Thư, 2009, tr.666]; là “nói ra những điều không bằng lòng về người thân cận gần gũi nào đó, cho là đối xử không tốt với mình” [Nguyễn Như Ý, 1999, tr.1678]

(3) *Kêu ca/ ca than/ ta than*: là “phản nản than thở” [Quý Long, Kim Thư, 2009, tr.275]; là “nói ra điều buồn bức, chê trách để tỏ thái độ không bằng lòng” [Hoàng Phê, 2013, tr.630]

(4) *Chê*: là “đánh giá thấp, không cho là phải, là tốt” [Quý Long, Kim Thư, 2009, tr.103]; là “tỏ ra không thích, không vừa ý vì cho là kém, là xấu” [Hoàng Phê, 2013, tr.205]

(5) *Phê bình*: là “chỉ ra một cách cụ thể những khuyết điểm, thiếu sót của ai đó để góp ý kiến, để chê trách” [Hoàng Phê, 2013, tr.1000]

(6) *Phê phán*: là “vạch ra, chỉ ra cái sai trái để tỏ thái độ không đồng tình hoặc lên án” [Hoàng Phê, 2013, tr.1001]

(7) *Đe dọa*: là “dọa làm cho sợ mà không dám hành động” [Hoàng Phê, 2013, tr.405]

(8) *Cảnh cáo*: là “khiến trách nghiêm khắc và báo cho biết nếu không sửa chữa khuyết điểm thì sẽ bị xử lí nặng hơn” [Hoàng Phê, 2013, tr.152]

(9) *Buộc tội*: là “quy vào tội gì, bắt phải nhận, phải chịu tội” [Hoàng Phê, 2013, tr.124]

(10) *Lên án*: là “nếu rõ tội lỗi và phê phán, buộc tội” [Hoàng Phê, 2013, tr.724]

Chúng tôi tạm gọi những động từ trên là nhóm động từ biểu thị sự không hài lòng. Trong số này, chúng tôi thấy phản nản là động từ biểu thị sự không hài lòng trung tính và khái quát nhất. Căn cứ vào

điều kiện sử dụng hành vi phản nản, cách định nghĩa của Anna Wierzecka dựa trên tiêu chí đích ở lời, đặc tính cú pháp, cách lí giải hành vi ngôn ngữ theo giải pháp ngôi thứ nhất cùng với tất cả các phân tích ở trên, chúng tôi đưa ra khái niệm hành vi phản nản như sau:

Phản nản là hành vi ngôn ngữ có lực ngôn ngữ thể hiện sự nhận xét, đánh giá chủ quan, thể hiện sự không hài lòng của người nói về một/ một vài sự vật/ sự việc/ người nào đó mà SP1 cho là không tốt, không đúng, không phù hợp hoặc chưa thỏa đáng, nhằm mục đích giải bày và có được sự đồng tình của người nghe hoặc là mong muốn có được giải pháp hợp lí, có sự thay đổi theo chiều hướng tích cực, vì lợi ích của cả người nói, người nghe hay người khác. Ví dụ:

“Tôi sẽ nói về cuộc sống cá nhân của Oanh trước. Oanh làm cho chúng tôi thực sự lo lắng về cách đi đứng, ăn nói, cách suy nghĩ, cách thể hiện của em. Phải biết kiềm chế cảm xúc cá nhân, không thể bắt kì một trường hợp nào em cũng cãi choe chõe, choe chõe như thế. Những điều đó không giúp cho em trở thành một ngôi sao được. Em hiểu không?” [Chương trình Người mẫu Việt Nam: Vietnam’s Next top Model, 2014].

4. Phân biệt hành vi phản nản với hành vi các hành vi ngôn ngữ khác

Ta thấy, ranh giới phân biệt giữa hành vi phản nản và các hành vi khác cận kề với nó như hành vi trách, chê, phê bình,... là rất mờ nhạt bởi chúng đều thể hiện trạng thái tâm lí không hài lòng hay bức bối của SP1, thể hiện sự đánh giá thấp một/ một vài sự vật/ sự việc/ người nào đó mà SP1 cho là không tốt, không đúng, không phù hợp hoặc chưa thỏa đáng. Áp dụng 12 tiêu chí phân loại các hành vi ngôn ngữ của Searle và dựa vào khái niệm về hành vi phản nản đã trình bày ở trên, sau đây, chúng tôi sẽ đưa ra một vài điểm khác biệt nhằm phân biệt hành vi phản nản với các hành vi gần gũi với nó trong giao tiếp.

a. Phân biệt hành vi phản nản và hành vi trách

Cả hành vi phản nản và hành vi trách đều thể hiện trạng thái không vừa ý, không hài lòng của người nói thông qua những nhận xét, đánh giá tiêu cực nhưng chúng khác nhau ở phạm vi đối tượng. Hành vi phản nản có phạm vi đối tượng rộng hơn hành vi trách. Người nói có thể phản nản về tất cả những người/ vật/ việc đã biết/ đã xảy ra hoặc đang nhìn thấy, đang chứng kiến hoặc thậm chí cả những người xa lạ/ vật/ việc không liên quan đến mình và cũng không thuộc trách nhiệm của ai như thời tiết, khí hậu,... Ví dụ: *“Gớm, cái thời tiết miền Bắc lúc giao mùa thật là độc địa bà nhỉ! Lại thêm cái gió mùa Đông Bắc nữa. Người già, trẻ con ốm lượt hết cả”* [Khẩu ngữ]. Khác với phản nản, hành vi trách chỉ hướng vào hành động, việc làm không tốt của một người nào đó. SP1 thường chỉ trách những người có quan hệ quen biết, gần gũi với mình chứ không thể trách một người xa lạ nào đó và SP1 cũng chỉ trách những việc làm, những vấn đề thuộc trách nhiệm, lỗi lầm của SP2 mà thôi. Ví dụ: *“Giá như anh nghe em thì không bị công an phạt tiền”* [Khẩu ngữ]. Trái lại, người nói có thể phản nản về mọi người/vật/ việc mà mình cảm thấy không hài lòng. Người ta có thể phản nản, chê bai người này, người kia hình thức xấu, hình dáng, mắt mũi không cân đối nhưng lại không thể trách một người có hình thức xấu mà chỉ có thể trách hành động, thái độ, cách cư xử của người đó không tốt hay không đúng. Thông thường, nếu phản nản điều gì về một người thân thiết của mình thì cũng là có ý trách. Ví dụ: *“Chồng con ở quá sạch, một ngày tắm phải ít nhất 2 lần, sáng một lần, tối một lần. Còn nếu phải đi ra ngoài thì lại tắm và gội đầu một lần nữa. Chỉ chải tóc thôi là 15 phút, rất là kĩ. Nhiều khi bận con, tối rồi mà mình vẫn chưa có thời gian chăm sóc bản thân. Mình thấy mình hơi hơi thì ngại không dám ngồi gần chồng luôn. Còn anh ấy thì lúc nào cũng sạch bong, thơm phức. Bận cỡ nào thì bận cũng phải đi vô tắm nửa tiếng đồng hồ”* [Talk show Vợ chồng son, 2023]. Người vợ phản nản với người nghe về anh chồng ăn ở quá sạch, sạch đến mức không cần thiết nhưng người vợ cũng có ý trách chồng vô tâm, không để ý đến việc vợ quá bận công việc nên ngay cả thời gian chăm sóc bản thân, vệ sinh cá nhân cũng không có. Trong khi đó, chồng lúc nào cũng sạch bong, thơm nức. Như vậy, hai hành vi này rất gần nhau, có một phần nghĩa chồng chéo lên nhau. Chính vì vậy, để phân biệt được chúng thì ngoài nội dung mệnh đề, mức độ sức mạnh của đích ở lời thì cần phải chú ý đến phạm vi đối tượng của hành vi.

b. Phân biệt hành vi phản nản và hành vi chê

Hành vi phản nản và hành vi chê có sự trùng khớp khá lớn về nội dung mệnh đề, trạng thái tâm lí của người nói và phạm vi đối tượng. Còn xét về đích ở lời, cả hành vi phản nản và hành vi chê đều bày tỏ thái độ không hài lòng của người nói nhưng phản nản thuộc nhóm hành vi *biểu lộ*, còn chê thuộc nhóm hành

vi đánh giá. Đây là sự khác nhau cơ bản giữa hai hành vi này. Hành vi phản nản nghiêng về biểu lộ cảm xúc (thường là tiêu cực, không hài lòng) của người nói. Ví dụ: Cô vợ bấu môi nói: “*Hừ! Coi thế mà buồn... Có đến đời sang tiểu sành thì hết nợ*” [Nam Cao, Những truyện không muốn viết, tr.308]. Hành vi chê lại chú trọng vào việc đánh giá (theo hướng tiêu cực) của người nói đối với một người/ vật/ việc nào đó. Ví dụ: “*Cái con ấy, trông mặt mũi, tính tình như đàn ông, mà nó chả biết ngược gì cả nhĩ*” [Truyện ngắn hay, 2004, tr.403]. Xét về mức độ sức mạnh của đích ở lời thì hành vi phản nản mạnh hơn hành vi trách nhưng lại yếu hơn hành vi chê.

c. Phân biệt hành vi phản nản và hành vi phê bình

Sự khác biệt đầu tiên cần nói đến là hành vi phê bình có thể dùng với chức năng ngữ vi còn hành vi phản nản thì không. Chúng ta có thể nói là “*Tôi phê bình anh*” nhưng không thể nói là “*Tôi phản nản anh*”. Xét về nội dung mệnh đề, hành vi phản nản là những nhận xét, miêu tả, đánh giá thường là tiêu cực của người nói, tuy nhiên, hành vi phê bình lại bao gồm cả đánh giá tiêu cực và đánh giá tích cực (trường hợp phê bình các tác phẩm nghệ thuật). Trong khuôn khổ bài báo này, chúng tôi chỉ xét trường hợp phê bình theo hướng tiêu cực. Cũng như hành vi chê, phê bình là hành vi thuộc nhóm đánh giá, không thuộc nhóm biểu lộ như phản nản. Xét về đích ở lời, hành vi phản nản bày tỏ thái độ không hài lòng của người nói nhằm mục đích giải bày nỗi niềm, có được sự đồng tình của người nghe hoặc là mong muốn có sự thay đổi/ có giải pháp thỏa đáng từ phía người nghe để khắc phục và giải quyết tình trạng tiêu cực được nói đến, còn hành vi phê bình lại chú trọng đến việc chỉ ra lỗi và thiếu sót của người nghe và bày tỏ thái độ không hài lòng về những lỗi đó. Ví dụ: “*Tôi phê bình đồng chí đã không hoàn thành nhiệm vụ mà đơn vị giao phó*” [Khẩu ngữ]. Hành vi phê bình cũng có phạm vi đối tượng hẹp hơn phản nản. Thông thường, người nói chỉ phê bình những gì đã biết/ đã xảy ra hoặc đang nhìn thấy, đang chứng kiến và giới hạn trong phạm vi phê bình “người dưới” như thủ trưởng phê bình nhân viên, bố mẹ phê bình các con, thầy cô phê bình học sinh,... Ví dụ: “*Cô phê bình bạn An đã quay cóp trong khi làm bài thi*” [Khẩu ngữ]. Còn đối với hành vi phản nản thì người nói có thể phản nản về vật/ việc nào đó chưa xảy ra hay thậm chí cả những vật/ việc không liên quan gì đến người nói và người viết và không giới hạn vai giao tiếp. Giám đốc (vai trên) có thể phản nản về nhân viên (vai dưới) đi muộn về sớm nhưng nhân viên cũng có thể phản nản về giám đốc trong trường hợp không được tăng lương hay thực hiện chưa đúng các quy định ở công ty. Xét về hoàn cảnh giao tiếp, hành vi phản nản thường được dùng trong trường hợp phi quy thức còn hành vi phê bình thường được dùng trong các trường hợp quy thức như tại công sở, văn phòng, quân đội, trường học,...

5. Cơ sở nhận diện hành vi phản nản

Khác với các hành vi ngôn ngữ khác như *hứa, yêu cầu, phê bình, nhờ*,... hành vi phản nản không được thực hiện bằng động từ ngữ vi, vì thế, hành vi phản nản thường được biểu hiện gián tiếp bằng các động từ khác với đích ở lời là phản nản hoặc bằng các biểu thức ngữ vi nguyên cấp (hàm ẩn). Sau đây, chúng tôi xin đưa ra một số dấu hiệu tiêu biểu, làm cơ sở nhận diện cho hành vi phản nản.

a. Dùng biểu thức ngôn ngữ nhận xét, đánh giá chủ quan và tiêu cực để thể hiện sự không hài lòng

Như trên đã định nghĩa, bản chất của hành vi phản nản là những nhận xét, đánh giá chủ quan và mang tính tiêu cực về một/ một vài sự vật/ sự việc/ người nào đó (theo quan điểm chủ quan của SPI là không tốt, không đúng, không phù hợp hoặc chưa thỏa đáng). Qua đó, người nói thể hiện sự không hài lòng của mình, đồng thời mong muốn người nghe đồng tình với mình hoặc có được giải pháp thỏa đáng từ người nghe để khắc phục tình trạng tiêu cực đó. Chính vì thế, tiêu chí nhận diện đầu tiên của hành vi phản nản là những biểu thức nhận xét, đánh giá tiêu cực kèm theo thái độ không hài lòng của người nói.

Ví dụ: “*Chơi với bời! Cái lúc nó mới đến, trông như con giun chết, cạy gì mũi còn chưa sạch thì không thấy chơi với bời*”. [Nam Cao, Một bữa no, tr.161]

Đôi khi, một biểu thức đánh giá tiêu cực lại được thể hiện gián tiếp qua hành vi khen, tuy nhiên, khen ở đây là “khen móc”, “khen đều”. Chẳng hạn người chồng ở nhà chăm con, còn vợ rảnh và đang chuẩn bị mặc đồ để ra khỏi nhà, người chồng nói “*Hôm nay ăn mặc đẹp thế!*”. Đây là câu khen, “đánh giá cao” sự ăn mặc đẹp của vợ nhưng thực ra là trong lòng người chồng đang cảm thấy không hài lòng về việc vợ không ở nhà chăm con mà đi ra ngoài gặp ai đó.

Người nói cũng thường dùng biểu thức hỏi để thể hiện sự phàn nàn của mình. Chẳng hạn như bà phó Thụ đã dùng một loạt các câu hỏi để bày tỏ sự phàn nàn cao độ của mình khi thấy một bà lão bắt ngò xuất hiện ở nhà mình: “*Ai kia? Ai ngồi làm gì kia? Chó nó ra, nó lòi mớ ra cho đấy. Sao mà bạo thế?*” [Nam Cao, Một bữa no, tr.161].

Ta xét thêm ví dụ sau: Khi ngồi vào mâm cơm, ông Tâm hỏi vợ:

- *Ai kho cá mà chát chàn chạt thế này?*

- *Vâng, mặn thật. Thôi, anh ăn tạm đi, để em bảo chị Sen.* (người giúp việc) [Khẩu ngữ]

Qua hành vi hỏi trên, ta biết ông Tâm rất không hài lòng về món cá kho, không thể ăn nổi vì nó quá mặn. Sự không hài lòng ấy còn được thể hiện qua từ “*chát chàn chạt*”, một từ làm tăng mức độ của sự mặn lên một mức rất cao. Như vậy, hành vi phàn nàn đã được thực hiện gián tiếp qua hành vi hỏi của ông Tâm.

Các từ ngữ dùng để tăng hiệu lực ở lời cho nhận xét, đánh giá tiêu cực của SP1 mà ta thường gặp là “*cực kì, quá thế, quá đáng, khiếp, kinh khủng, khủng khiếp, dã man, vô cùng, chết mất, ghê người, phát sợ, phát khiếp, kinh tởm, tởm lợm, trầy trầy,...*”. Ví dụ: “*Ôi! chết mất! Thực hiện lời thoại có ba câu thôi mà cả tôi và Duy Anh đều nhầm lời thoại. Chỉ cần hồng một cảnh quay thôi là phải chạy lại từ đầu, hôn lại từ đầu. Nói chung là quá là mệt mỏi*” [Cuộc thi Người mẫu Việt Nam: Vietnam’s Next top Model, 2014]. Trong thử thách quay phim quảng cáo, thí sinh của cuộc thi đã phàn nàn về việc cả hai người đều bị quên lời thoại nên phải quay đi quay lại nhiều lần. Cụm từ “*Ôi! chết mất!*” càng làm tăng thêm hiệu lực ở lời cho hành vi phàn nàn của người nói.

b. Dựa vào phạm vi đối tượng và đích ở lời của hành vi phàn nàn

Để nhận diện hành vi phàn nàn trong giao tiếp, ta có thể căn cứ vào phạm vi đối tượng kết hợp với đích ở lời của hành vi này. Hành vi phàn nàn có ba đối tượng. Đó là:

- Người (SP3)/ vật/ việc bất kì nào đó được cho là không tốt, không đúng, không thỏa đáng khiến cho người nói (SP1) không hài lòng, bức bối và SP1 đã nói ra điều đó với SP2. Người/ vật/ việc đó có thể liên quan đến SP1 hoặc cả SP1 và SP2. Ví dụ: (1) “*Chồng em hào phóng quá nên cũng bị mấy người bạn lừa tiền, mượn tiền rồi không trả. Mà cho bạn mượn tiền thì giấu giếm, không hề cho vợ biết. Những chuyện lớn như mua nhà, mua xe thì anh ấy quyết và cũng có hỏi ý kiến nhưng chỉ hỏi cho có thôi chứ anh ấy cũng chẳng nghe đâu. Đây là tật xấu nhất. Và anh còn rất hay đi nhậu nữa*” [Talk show Vợ chồng son HTV7, 2022]. Người vợ phàn nàn với người dẫn chương trình về chuyện người chồng quá hào phóng với bạn bè nên hay bị lừa, hỏi ý kiến của vợ nhưng không bao giờ nghe theo và chồng còn thường xuyên đi nhậu. Hay người dân phàn nàn với phóng viên về việc cắt điện liên tục ở chung cư Nguyễn Quyền, quận Bình Tân: (2) “*Em thấy cắt điện như này rất ảnh hưởng rất nhiều đến cuộc sống của em, gia đình em và tất cả các người dân ở đây. Cắt điện liên tục ảnh hưởng đến nước, thang máy. Không có thang máy đi thì người già, con nít, bà bầu sẽ phải leo bộ từ tầng 1 đến tầng 13. Không ai có sức mà leo, có người xỉu giữa đường, trường hợp đó đã xảy ra rồi*” [Chào buổi sáng, VTV1, 2023].

Tuy nhiên, người nói cũng có thể phàn nàn về người/ vật/ việc bất kì nào đó không liên quan gì đến SP1 cũng như SP2 và cũng không ai phải chịu trách nhiệm trong sự việc này. Ví dụ, khách du lịch phàn nàn với nhân viên lễ tân về thời tiết ở khu du lịch: “*Em ơi, sao ở đây mưa nhiều thế nhỉ! Sáng mưa, chiều mưa, tối cũng mưa. Chị đến đây ba ngày rồi mà chẳng đi đâu được mấy. Mà đã mưa thì lại lắm muỗi nữa chứ*” [Khẩu ngữ].

- Người đối thoại (SP2) chính là nguyên nhân khiến cho SP1 không hài lòng và SP1 đã nói điều này với SP2. Nếu SP2 có những đặc điểm, tính cách, hành động nào đó mà SP1 cho rằng không tốt, không đúng thì SP1 sẽ phàn nàn trực tiếp với SP2. Ví dụ: “*Cái giống người gì mà hơi một tí là oang oang như mõ ấy! Thăng bé đang ngủ mệt mà cũng làm nó dậy. Chỉ chết người ta thôi*” [Nam Cao, Con mèo, tr.117]. Vì anh chồng vô ý, nói rất to làm cho thằng con nhỏ tỉnh dậy nên chị vợ đã tỏ ý bức mình và nói ngay với chồng mình.

- Chính bản thân người nói (SP1) là đối tượng của hành vi phàn nàn. SP1 cảm thấy không hài lòng về bản thân và đã nói với SP2. Ví dụ: Khi chính mình không vượt qua được thử thách đi patin chụp hình, một thí sinh đã phàn nàn: (3) “*Tôi là người cuối cùng trong nhóm thực hiện chụp hình. Tôi nghĩ, mình phải cố gắng hơn các bạn rất nhiều. Nhưng tôi không hiểu tại sao mình không thể giữ thăng bằng được,*

liên tục ngã và tôi đã làm mất khá nhiều thời gian của ban giám khảo cũng như các bạn trong đội của mình. Tôi đã thất bại tràn trề” [Chương trình Người mẫu Việt Nam: Vietnam’s Next top Model, 2014].

Như vậy, phạm vi đối tượng của hành vi phản nản là khá rộng. Để tránh nhầm lẫn và nhận diện được chính xác hành vi này thì ta cần kết hợp phạm vi đối tượng với đích ở lời của hành vi phản nản. Khi thực hiện hành vi phản nản, người nói mong muốn có sự thay đổi tích cực từ phía người nghe hoặc là có được giải pháp thỏa đáng để khắc phục tình trạng không tốt nào đó đã xảy ra. Ở ví dụ (1), qua lời phản nản của mình, người vợ ngầm mong muốn người chồng cần trọng hơn trong mối quan hệ với bạn bè, tránh hào phóng quá mức để rồi bị lừa, cần tôn trọng ý kiến của vợ và bớt đi nhậu hơn. Còn ở ví dụ (2), người nói mong muốn chính quyền cần khắc phục sớm tình trạng cắt điện liên tục để cuộc sống của người dân ở chung cư không bị ảnh hưởng. Đôi khi, người nói phản nản chỉ vì muốn giải tỏa nỗi niềm cho tâm trạng của mình tốt hơn hoặc là muốn có được sự lắng nghe và đồng cảm của người nói. Thí sinh ở ví dụ (3) đã phản nản về việc thất bại trong thử thách chụp hình để mong người nghe có thể thấu hiểu và đồng cảm với mình.

c. Dựa vào lời nhận xét của các nhân vật giao tiếp

Như trên đã trình bày, vì hành vi nịnh không có động từ ngữ vì nên trong nhiều trường hợp, ta có thể căn cứ vào lời nhận xét của các nhân vật giao tiếp để xác định được hành vi này.

- Dựa vào lời nhận xét của chính tác giả (Trường hợp này rất phổ biến trong các tác phẩm văn học. Ta có thể dễ dàng nhận ra được hành vi phản nản của người nói thông qua sự nhận xét rất tường minh của tác giả). Ví dụ: “Buổi chiều cũng vậy, khách tham quan thay nhau ra vô hết lượt này đến lượt khác, vẫn chẳng có ai đoái hoài đến tầng đá vô tri vô giác bên góc sứ. Mạnh bắt đầu phản nản: - *Biết vậy hồi trưa chạy về nhà ăn cơm rồi đánh một giấc có phải hơn không?*” [Nguyễn Nhật Ánh, Kính vạn hoa, tập 1, 2019] hay “Khi Dung vào khuất sau cánh cửa, bà cụ chép miệng phản nản, có ý để Xuân nghe thấy: - *Lại bà ấy chưa đóng nữa. Lấy tiền đâu mà tiêu bây giờ?*” [Thạch Lam, 2011, Ngày mới, tr.377].

- Dựa vào phát ngôn hồi đáp của SP2. Ví dụ:

“- Sao sách giáo khoa bây giờ giá tăng ghê thế nhỉ? Bộ nào cũng mấy trăm nghìn. Đã thế mua sách còn khó nữa, phải đi hết hiệu sách này đến hiệu sách kia để gom sách mới đủ.

- *Thôi, anh phản nản với em thì có ích gì chứ. Thế anh đã mua được sách cho thằng Tí chưa?*” [Khẩu ngữ].

- Dựa vào lời giải thích của chính SP1. Ví dụ: “*Nói thế chứ tớ có bỏ việc đâu, vì bỏ việc của Đội thì tớ thật sự là một thằng bồi thôi. Tớ phản nản với cậu để cậu biết, mỗi khi có người khinh bỉ chế giễu tớ, tớ cứ thấy gai người lên*” [Xuân Sách, 2012, *Đội du kích thiếu niên Đình Bảng*, tr.51].

- Dựa vào lời nhận xét của một người thứ ba. Ví dụ:

“- Anh xem, anh cứ đi tới ngày, hết công tác lại bạn bè, nhậu nhẹt, cưới xin, ... Anh ở nhà này như ở trọ. Mọi việc nhà cửa, con cái đều đổ hết lên đầu em.

- Anh bận công việc thật sự chứ có chơi đâu.

- Con cũng phải xem thế nào. Vợ con nó phản nản là có lí, không sai đâu. (Mẹ nói với con trai) [Khẩu ngữ].

d. Dựa vào ngữ cảnh cụ thể

Theo Đỗ Hữu Châu, “để xác định một phát ngôn nào đó là do hành vi nào tạo ra tức xác định phát ngôn đó là biểu thức ngữ vi nguyên cấp nào, chúng ta cần phải căn cứ vào: (1) Ngữ cảnh, (2) Khả năng tái lập hoặc bổ sung các IFIDs cho phát ngôn đó, (3) phát ngôn hồi đáp của người nghe SP2” [Đỗ Hữu Châu, 2012, tr.102]. Đối với hành vi phản nản thì ngữ cảnh là một trong những cơ sở nhận diện quan trọng. Vậy ngữ cảnh là gì? Ngữ cảnh là bối cảnh ngôn ngữ mà ở đó người nói (người viết) sản sinh lời nói thích ứng, còn người nghe (người đọc) căn cứ vào đó để lĩnh hội đúng và đầy đủ lời nói. Nếu SP1 hỏi SP2 là: “*Anh cho tôi hỏi bây giờ là mấy giờ rồi?*” thì chỉ đơn giản là một hành vi hỏi giờ đơn thuần. Nhưng nếu đặt trong ngữ cảnh cụ thể là đã là 9h sáng, giám đốc đến văn phòng từ lâu mà chưa thấy nhân viên, khi anh ta đến công ty, giám đốc hỏi: “*Anh cho tôi hỏi bây giờ là mấy giờ rồi?*” thì ý nghĩa lại hoàn toàn khác. Thông qua hành vi hỏi, giám đốc đang phản nản, tỏ ra không hài lòng khi nhân viên đến công ty đến muộn. Giám đốc muốn anh ta ý thức được điều đó và cần khắc phục ngay tình trạng đến muộn. Vậy nên, ngữ cảnh là cơ sở rất cần thiết để xác định phát ngôn trên có phải là hành vi phản nản hay không. Ta xét

một ví dụ khác: “- Con ơi! Nhà cửa sạch sẽ, gọn gàng quá nhỉ! Con nhớ lời mẹ dặn thật đấy.” [Khẩu ngữ]. Bình thường, đây là hành vi khen của bố/ mẹ dành cho con khi con đã dọn dẹp nhà cửa sạch sẽ. Tuy nhiên, nếu ở trong ngữ cảnh là mẹ bận đi làm, mẹ đã dặn con ở nhà phải dọn dẹp nhà cửa giúp mẹ. Nhưng khi về nhà thì mọi thứ đâu vẫn hoàn đấy, nhà cửa vẫn bừa bộn thì phát ngôn “khen” của mẹ lại có ý phản nản về việc con quên lời mẹ dặn, không hề giúp mẹ làm việc nhà.

Ngoài các cơ sở nhận diện hành vi phản nản đã trình bày ở trên, ta còn có thể kết hợp với các dấu hiệu khác như cách sử dụng từ ngữ xung hô của các nhân vật giao tiếp; cách dùng các thán từ, tình thái từ hay dựa vào ngôn ngữ cơ thể. Tuy nhiên, những dấu hiệu này chỉ là tiêu chí xét kết hợp, không thể sử dụng độc lập để nhận diện hành vi phản nản bởi nó cũng đúng với các hành vi khác gần nghĩa với nó như chê, trách, phê bình,...

5. Kết luận

Để xác định được hành vi phản nản và phân biệt hành vi này với các hành vi ngôn ngữ khác cận kề với nó như *chê, trách, phê bình*,... ta cần phải dựa vào bốn dấu hiệu nhận diện cơ bản là *các biểu thức ngôn ngữ nhận xét, đánh giá chủ quan và tiêu cực để thể hiện sự không hài lòng; phạm vi đối tượng và đích ở lời của hành vi phản nản; lời nhận xét của các nhân vật giao tiếp và ngữ cảnh cụ thể*. Thông qua các cơ sở nhận diện đó, chúng ta cũng hiểu được thái độ, tình cảm, quan hệ của các nhân vật tham gia giao tiếp và chiến lược giao tiếp riêng của mỗi người trong đời sống hàng ngày khi thực hiện hành vi phản nản.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Nguyễn Nhật Ánh (2019), *Kính vạn hoa*, Tập 1, Nxb Kim Đồng.
2. Đỗ Hữu Châu (2012), *Đại cương ngôn ngữ học*, tập 2, Ngữ dụng học, Nxb Giáo dục Việt Nam.
3. Nam Cao (1999), *Tuyển tập Nam Cao*, Nxb Văn học.
4. Nguyễn Đức Dân (1998), *Ngữ dụng học*, tập 1, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
5. Nguyễn Thiện Giáp (2000), *Dụng học Việt ngữ*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
6. Hoàng Văn Hành (1995), *Từ điển từ láy tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
7. Bùi Hiền (2001), *Năm vạn*, Nxb Đồng Nai.
8. Nguyễn Văn Khang (1999), *Ngôn ngữ học xã hội - những vấn đề cơ bản*, Nxb Khoa học xã hội.
9. Thạch Lam (2011), *Tuyển tập Thạch Lam*, Nxb Văn nghệ.
10. Nguyễn Lâm (2000), *Từ điển từ và ngữ Việt Nam*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
11. Quý Long, Kim Thư (2009), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Lao động.
12. Hoàng Phê (chủ biên) (2013), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng và Trung tâm từ điển học.
13. Xuân Sách (2021), *Đội du kích thiếu niên Đình Bảng*, Nxb Kim Đồng.
14. Đoàn Thiện Thuật (2005), *Thực hành tiếng Việt trình độ C*, Nxb Thế giới.
15. Nguyễn Như Ý (chủ biên), Nguyễn Văn Khang, Phan Xuân Thành (2002), *Từ điển tiếng Việt thông dụng*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
16. Nguyễn Như Ý (chủ biên), Nguyễn Văn Khang, Vũ Quang Hào, Phan Xuân Thành (1999), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb Văn hóa thông tin.
17. Nhiều tác giả (2004), *Truyện ngắn hay*, Nxb Văn học.

Tiếng Anh

18. Austin, V.I (1962), *How to do things with words*, Oxford University Press.
19. Searle, J.R (1969), *Speech acts - An Essay in the Philosophy of Language*, Cambridge University Press.

Basis for identifying complain speech act in Vietnamese communication

Abstract: In order to provide a basis for identifying complain speech act in Vietnamese communication, this article has developed the concept of complain speech act, analyzed the conditions for the implementation of this speech act to the opinion of J. Austin and J. Searle, distinguishes complain speech act from its adjacent speech act such as disparage, blame, criticize. Since then, the article has given 4 "recognizable signs" of complain speech act in Vietnamese communication: using negative and subjective linguistic expressions to express unsatisfied; the scope of the object and the point of the illocution of the complaint speech act; comments from specific communicators and specific context.

Key words: Speech act; complain; unsatisfied; conditions of use; identity base.